
TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH ĐẾN TẠO VIỆC LÀM TẠI CHỖ BỀN VỮNG CHO LAO ĐỘNG NÔNG THÔN TẠI THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Doãn Thị Mai Hương

Trường Đại học Lao động - Xã hội
doanmaihuong@ulsa.edu.vn

Nguyễn Thị Vân Anh

Trường Đại học Lao động - Xã hội
nguyenvananh83@ulsa.edu.vn

Hoàng Thanh Tùng

Trường Đại học Lao động - Xã hội
hoangthanhtung15@gmail.com

Mã bài: JED-739

Ngày nhận: 16/06/2022

Ngày nhận bản sửa: 01/07/2022

Ngày duyệt đăng: 03/08/2022

Tóm tắt:

Nghiên cứu này xem xét tác động của một số chính sách đến tạo việc làm tại chỗ bền vững cho lao động nông thôn tại thành phố Hà Nội. Nhóm nghiên cứu xây dựng mô hình, giả thuyết nghiên cứu và khảo sát ý kiến của những người trực tiếp triển khai thực hiện các chính sách. Từ dữ liệu sơ cấp thu thập được, nhóm nghiên cứu phân tích tác động của chính sách với sự hỗ trợ của phần mềm SPSS. Số liệu kiểm định được tái khẳng định bằng phương pháp phỏng vấn sâu. Kết quả nghiên cứu cho thấy chính sách tạo việc làm và xúc tiến việc làm tại chỗ có tác động mạnh nhất, tiếp đến là chính sách tăng cường đối thoại với lao động nông thôn và cuối cùng là chính sách thực thi hỗ trợ và bảo trợ xã hội. Từ đó, nhóm nghiên cứu đề xuất một số khuyến nghị nhằm tăng cường tạo việc làm tại chỗ bền vững cho lao động nông thôn tại thành phố Hà Nội.

Từ khóa: Chính sách tạo việc làm, lao động nông thôn Hà Nội, tạo việc làm, việc làm tại chỗ, việc làm bền vững.

Mã JEL: J43

Impact of policies on creating sustainable local employment for rural labor in Hanoi

Abstract:

This study is conducted to investigate the impact of some policies on creating sustainable local jobs for rural workers in Hanoi. Models, hypotheses, and surveys the opinions of those who directly implement the policies are employed. From the data collected, the impact of policies is used with the support of statistical software SPSS. The test is confirmed by an in-depth interview. The results show that the policy of job creation and job promotion on the spot has the strongest impact; followed by a policy to strengthen dialogue with rural workers, and finally a policy of implementing social support and protection. From this, several recommendations are proposed to enhance the creation of sustainable local jobs for rural workers in Hanoi.

Keywords: Job creation policy; Rural labor in Hanoi; Creating jobs; Local jobs; Sustainable jobs.

JEL Code: J43

1. Giới thiệu

Sau hơn 10 năm thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, phát triển nông nghiệp, nông dân và nông thôn đạt được nhiều thành tựu to lớn. Tuy nhiên, nông thôn mới đã được xây dựng nhưng người lao động khu vực nông thôn vẫn di cư đến khu vực thành thị, khu công nghiệp để tìm kiếm việc làm, do đó, vấn đề tạo việc làm tại chỗ mang tính bền vững cho lao động nông thôn để hạn chế di dân tự do đang nhận được sự quan tâm ở nhiều tỉnh thành trong đó có thành phố Hà Nội. Với vai trò là trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa, khoa học kỹ thuật của cả nước, việc nghiên cứu các chính sách nhằm tăng cường tạo việc làm tại chỗ bền vững cho lao động nông thôn tại Hà Nội là vấn đề mang ý nghĩa khoa học và thực tiễn.

Vậy các chính sách nào có ảnh hưởng đến tạo việc làm tại chỗ mang tính bền vững cho lao động nông thôn? Mức độ tác động của từng chính sách như thế nào? Hà Nội cần tập trung vào vấn đề gì để tăng cường tạo việc làm tại chỗ bền vững cho lao động nông thôn, hạn chế di dân tự do? Nhằm trả lời cho các câu hỏi trên, dựa vào quan điểm của Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO, 2017) về việc làm bền vững, nhóm nghiên cứu đã lựa chọn và xem xét ảnh hưởng của 4 chính sách *đến* tạo việc làm tại chỗ bền vững cho lao động nông thôn Hà Nội, gồm: (i) Chính sách tạo việc làm và xúc tiến việc làm; (ii) Chính sách thực hiện các quyền cho lao động nông thôn; (iii) Chính sách thực hiện công tác hỗ trợ và bảo trợ xã hội; (iv) Chính sách tăng cường đối thoại xã hội trong lĩnh vực nông nghiệp. Nhóm nghiên cứu tiến hành xây dựng mô hình, giả thuyết nghiên cứu, xây dựng thang đo, bảng hỏi và khảo sát thu thập ý kiến của những người trực tiếp triển khai thực hiện các chính sách tạo việc làm ở khu vực nông thôn gồm các cán bộ làm công tác khuyến công, khuyến nông, xúc tiến việc làm và *một số người làm quản lý tại một số hợp tác xã nông nghiệp và tiểu thủ công nghiệp, chủ một số xưởng sản xuất cơ khí* tại 18 huyện, thị xã ngoại thành Hà Nội. Từ kết quả khảo sát được lượng hóa, nhóm nghiên cứu thực hiện kiểm định phân tích định lượng với sự hỗ trợ của phần mềm thống kê SPSS và xác định mức độ tác động của từng nhân tố đến tạo việc làm tại chỗ bền vững cho lao động nông thôn Hà Nội.

2. Tổng quan nghiên cứu và đề xuất mô hình nghiên cứu

2.1. Tổng quan nghiên cứu

Việc làm, tạo việc làm

Tổ chức lao động quốc tế (ILO, 2017) *định nghĩa* “Việc làm là những hoạt động lao động được trả công bằng tiền hoặc hiện vật”. Điều 9 của Bộ luật Lao động số 45/2019/QH14 *xác định* “Việc làm là những hoạt động lao động tạo ra thu nhập mà pháp luật không cấm”. Nhà nước, người sử dụng lao động và xã hội có trách nhiệm tham gia giải quyết việc làm, bảo đảm cho mọi người có khả năng lao động đều có cơ hội có việc làm. Tạo việc làm là một quá trình tạo ra môi trường hình thành các chỗ làm việc và sắp xếp người lao động phù hợp với chỗ làm việc để có các việc làm chất lượng, đảm bảo nhu cầu của cả người lao động và người sử dụng lao động, đồng thời phải đáp ứng được mục tiêu phát triển đất nước. Tạo việc làm theo nghĩa rộng bao gồm những vấn đề liên quan đến việc phát triển và sử dụng có hiệu quả nguồn lao động. Quá trình đó diễn ra từ giáo dục, đào tạo và phổ cập nghề nghiệp, trang thiết bị cho người lao động về trình độ chuyên môn, tay nghề, từ đó *có thể tạo ra và hưởng thụ những giá trị lao động* mà mình làm ra. Theo nghĩa hẹp, tạo việc làm tập trung vào đối tượng thất nghiệp, chưa có việc làm hoặc thiếu việc làm nhằm tạo thêm việc làm cho người lao động duy trì tỉ lệ thất nghiệp ở mức thấp.

Việc làm bền vững

Theo tài liệu hội thảo về việc làm bền vững của ILO tổ chức tại ChiangMai Thailand năm 2007 (Overseas Development Institutes, 2007) việc làm bền vững là việc làm có hiệu quả với các biểu hiện cụ thể như sau:

- Làm việc với đầy đủ quyền con người với đúng trình độ cá nhân.
- Làm việc với các điều kiện chấp nhận được, bình đẳng, có cơ hội phát triển và hoàn thiện các kỹ năng cá nhân.
- Làm việc có bảo trợ xã hội, an toàn tại nơi làm việc hướng tới chăm sóc sức khỏe và phòng ngừa các rủi ro
- Làm việc có đối thoại xã hội thông qua tự do hiệp hội, tự do phát ngôn, được tham gia đối thoại cởi mở giữa chính phủ, người sử dụng lao động và công nhân. Được tham gia xây dựng các chính sách, chiến lược.

Lao động nông thôn

Lao động nông thôn là bộ phận dân số nông thôn trong độ tuổi lao động, có khả năng lao động, đang có việc làm và những người thất nghiệp có nhu cầu làm việc tại khu vực nông thôn (Duong Ngọc Thành & Nguyễn Minh Hiếu, 2014). Lao động nông thôn mang một số đặc điểm sau: (i) Lao động nông thôn *làm việc* mang tính chất thời vụ cao do sản xuất nông nghiệp luôn chịu tác động và bị chi phối mạnh mẽ bởi các quy luật sinh học và điều kiện tự nhiên của từng vùng (khí hậu, đất đai...); (ii) Lao động nông thôn rất dồi dào và đa dạng về độ tuổi và có thích ứng lớn; (iii) Lao động nông thôn đa dạng, ít chuyên sâu, trình độ thấp.

Tạo việc làm tại chỗ bền vững cho lao động nông thôn là tổng thể các biện pháp, chính sách nhằm tạo điều kiện thuận lợi để đảm bảo cho mọi người lao động ở nông thôn có khả năng lao động có việc làm trên chính quê hương của họ, vừa đảm bảo có nguồn thu nhập ổn định và lâu dài, đồng thời đảm bảo an sinh xã hội của người lao động.

Nghiên cứu về tạo việc làm tại chỗ bền vững cho lao động nông thôn

Nguyễn Quốc Tiến (2015) nghiên cứu hoạt động tạo việc làm tại chỗ bền vững tại Trung Quốc đã chỉ ra các nội dung mà Trung Quốc thực hiện nhằm tạo việc làm tại chỗ bền vững. Về cơ chế chính sách tạo việc làm và xúc tiến việc làm, Trung Quốc đã tập trung điều chỉnh cơ cấu nông sản nhằm khai thác lợi thế so sánh của địa phương trong nông nghiệp, đa dạng hóa nông sản và cải thiện chất lượng sản phẩm theo hướng tăng chế biến nông sản, qua đó tạo được nhiều việc làm tại chỗ cho người dân địa phương. Về thực hiện quyền cho lao động nông thôn, Trung Quốc thực hiện chính sách “ngành nghề hóa nông nghiệp” trên cơ sở tổ chức kết hợp giữa nông hộ với công ty hoặc nông hộ kết hợp với tập thể, với các tổ chức kinh tế khác nhằm liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp, kết nối các khâu thành một dây chuyền theo hướng cộng sinh, các bên cùng có lợi. Nhằm hỗ trợ cho lao động nông thôn, Trung Quốc thực hiện chính sách 4 miễn giảm cho nông dân (miễn thuế nông nghiệp, thuế chăn nuôi, thuế đặc sản nông lâm, thuế giết mổ); trợ cấp 4 hạng mục cho nông dân gồm: trợ cấp lương thực, trợ cấp giống tốt, trợ cấp mua máy nông cụ lớn, trợ cấp nông nghiệp tổng hợp. Chính sách tạo việc làm tại chỗ bền vững tại Trung Quốc tập trung vào 3 vấn đề cơ bản: (i) Xây dựng và thực hiện cơ chế chính sách tạo việc làm và xúc tiến việc làm; (ii) Thực hiện quyền cho lao động nông thôn; (iii) Hỗ trợ cho lao động nông thôn.

Nguyễn Xuân Định (2017) nghiên cứu các chính sách về nông nghiệp, nông dân, nông thôn tại Hàn Quốc cũng cho thấy Hàn Quốc tập trung các chính sách nông nghiệp theo hướng áp dụng nền kinh tế sáng tạo vào nông nghiệp và thực phẩm để tăng giá trị gia tăng trong các ngành này, qua đó tạo việc làm và xúc tiến việc làm tại chỗ cho lao động nông thôn. Hàn Quốc cũng tập trung thiết lập mạng lưới xã hội an toàn, vững chắc về thu nhập và quản lý trang trại; thúc đẩy phúc lợi để làm cho nông thôn trở thành khu vực có điều kiện sống tốt nhằm đảm bảo quyền cho lao động nông thôn, đồng thời có chính sách hỗ trợ, khuyến khích các doanh nghiệp bảo hiểm tham gia hoạt động bảo hiểm nông nghiệp nhằm thực hiện công tác bảo trợ xã hội cho lao động nông thôn. Ngoài ra, Hàn Quốc đã tổ chức các Phong trào Cộng đồng Mới, Phong trào Làng mới, Phong trào Saemaul hoặc Phong trào Saema'eul dựa trên các quy ước truyền thống và các quy tắc để tự quản và hợp tác trong các cộng đồng làng xã. Thông qua các phong trào này Hàn Quốc khuyến khích nông dân tham gia các tổ chức cộng đồng và tăng cường đối thoại xã hội trong lĩnh vực nông nghiệp. Kết quả nghiên cứu cho thấy Hàn Quốc đã thực hiện tạo việc làm tại chỗ mang tính bền vững cho lao động nông thôn thông qua 4 nội dung: (i) Xây dựng và thực hiện cơ chế chính sách tạo việc làm và xúc tiến việc làm; (ii) Thực hiện quyền cho lao động nông thôn; (iii) Hỗ trợ và bảo trợ xã hội cho lao động nông thôn; (iv) Tăng cường đối thoại xã hội trong lĩnh vực nông nghiệp.

Nguyễn Hồng Thư (2012) nghiên cứu chính sách phát triển nông nghiệp của Nhật Bản đã cho thấy với chính sách «ly nông bất ly hương». Để giúp nông dân được tham gia các tổ chức và được đối thoại xã hội, Nhật Bản tập trung xây dựng và phát triển các hợp tác xã nông nghiệp trên cơ sở cộng đồng nông thôn để tạo quan hệ cộng đồng mới vững chắc bắt nguồn từ bên trong cộng đồng làng xã. Gần 100% nông dân ở Nhật Bản là hội viên nông hội và xã viên hợp tác xã. Hệ thống hợp tác xã và nông hội được tổ chức theo nguyên tắc hoàn toàn tự nguyện, bình đẳng và dân chủ. Các cấp quản lý nhà nước có trách nhiệm thực hiện đúng nhiệm vụ được nông dân uỷ thác, bảo vệ và phản ánh quyền lợi của nông dân. Ngoài ra, để tăng cường công tác bảo trợ xã hội, Nhật Bản cho phép các hợp tác xã mở rộng hoạt động ra các lĩnh vực phúc lợi xã hội như y tế, giáo dục, văn hóa, cải thiện điều kiện sống, du lịch, tư vấn nông nghiệp và đặc biệt là thương mại. Như vậy, có thể thấy chính sách phát triển nông nghiệp nông thôn của Nhật Bản gắn liền và thông qua các hoạt động tạo việc làm tại chỗ bền vững như: (1) Có chính sách tạo việc làm tại chỗ ổn định; (2) Tăng cường đưa

nông dân tham gia các tổ chức và đối thoại xã hội trong lĩnh vực nông nghiệp; (3) Hỗ trợ và bảo trợ xã hội cho lao động nông thôn; (4) Thực hiện các hoạt động đảm bảo quyền cho lao động nông thôn.

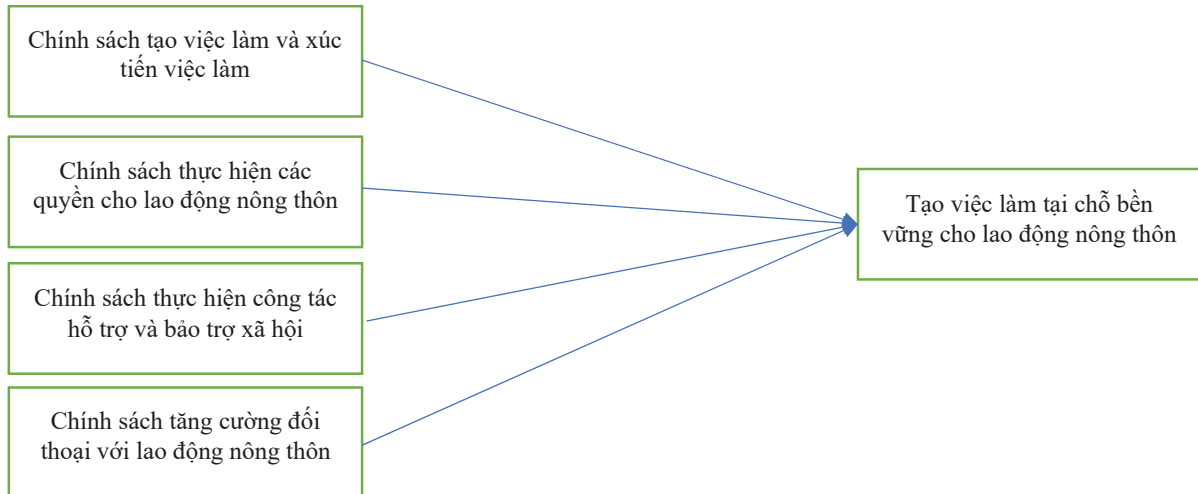
Anh Quân (2020) nghiên cứu sự phát triển của nông nghiệp Thái Lan cũng chỉ ra các hoạt động để tạo việc làm tại chỗ bền vững cho lao động nông thôn Thái Lan. Các cơ quan xúc tiến đầu tư của Thái Lan thường xuyên có những hoạt động giúp đỡ nông dân tiếp cận nguồn tài trợ đầu tư vào các sản phẩm, công nghệ nông nghiệp mới, đồng thời có chính sách hỗ trợ người lao động nông thôn như: Trợ giúp tài chính, thành lập và phát triển thị trường vốn cho nông nghiệp; Chính sách về đào tạo cho chủ doanh nghiệp và người lao động; Hỗ trợ phát triển công nghệ mới, tìm kiếm thị trường, phát triển liên kết chuỗi cung ứng hàng nông sản. Tương tự như các quốc gia khác, Thái Lan cũng thực thi chính sách tạo việc làm tại chỗ bền vững thông qua những nội dung chính như: (i) Xây dựng và thực hiện các chính sách tạo việc làm tại chỗ ổn định; (ii) Hỗ trợ và bảo trợ xã hội cho lao động nông thôn; (iii) Tăng cường đưa nông dân tham gia các tổ chức và đối thoại xã hội trong lĩnh vực nông nghiệp.

Qua các nghiên cứu về kinh nghiệm thực hiện chính sách phát triển nông nghiệp nông thôn tại một số quốc gia, có thể thấy các hoạt động phát triển nông nghiệp đều gắn với chính sách tạo việc làm tại chỗ bền vững cho lao động nông thôn thông qua các chính sách như: (i) Xây dựng và thực hiện cơ chế chính sách tạo việc làm và xúc tiến việc làm; (ii) Thực hiện quyền cho lao động nông thôn; (iii) Hỗ trợ và bảo trợ xã hội cho lao động nông thôn; (iv) Tăng cường đối thoại xã hội trong lĩnh vực nông nghiệp.

2.2. Mô hình và giả thuyết nghiên cứu

Dựa trên quan điểm của ILO, quan điểm của Chính phủ được thể hiện trong Bộ luật Lao động Việt Nam năm 2019 và từ thực tiễn triển khai chính sách của Việt Nam và một số quốc gia. Nhóm nghiên cứu tiến hành xây dựng mô hình nghiên cứu với 4 biến chính sách được đưa vào xem xét ảnh hưởng đến tạo việc làm tại chỗ bền vững cho lao động nông thôn Hà Nội.

Hình 1: Mô hình nghiên cứu đề xuất



Nguồn: Đề xuất của nhóm nghiên cứu.

Giả thuyết nghiên cứu:

H1: Chính sách tạo việc làm và xúc tiến việc làm có tác động thuận chiều đến tạo việc làm bền vững cho lao động nông thôn Hà Nội.

H2: Chính sách thực hiện các quyền cho lao động nông thôn có tác động thuận chiều đến tạo việc làm bền vững cho lao động nông thôn Hà Nội.

H3: Chính sách thực hiện công tác hỗ trợ và bảo trợ xã hội có tác động thuận chiều đến tạo việc làm bền vững cho lao động nông thôn Hà Nội.

H4: Chính sách tăng cường đối thoại với lao động nông thôn có tác động thuận chiều đến tạo việc làm bền vững cho lao động nông thôn Hà Nội.

Việc hình thành các thang đo được xây dựng tham khảo từ một số nghiên cứu trước đây và dựa trên tình hình thực tiễn thực thi các chính sách. Trên cơ sở đó, phiếu khảo sát được nhóm thiết kế với mỗi câu hỏi sẽ có các phương án lựa chọn theo quan điểm của người trả lời với thang đo Likert 5 mức độ: (1) Rất không đồng ý; (2) Không đồng ý; (3) Không ý kiến; (4) Đồng ý; (5) Rất đồng ý.

Bảng 1: Biến và thang đo nghiên cứu về ảnh hưởng của chính sách đến tạo việc làm tại chỗ bền vững cho lao động nông thôn Hà Nội

Biến	Thang đo	Cơ sở hình thành thang đo
1. Chính sách tạo việc làm và xúc tiến việc làm tại chỗ cho lao động nông thôn		
CSXT1	Các cơ quan quản lý của Hà Nội quan tâm thực hiện chương trình cho vay vốn từ Quỹ quốc gia về việc làm	Nam Khánh (2021)
CSXT2	Hà Nội đã thực hiện nhiều chương trình khuyến nông đến khu vực nông thôn	Bạch Thanh (2021)
CSXT3	Hoạt động khuyến công của Hà Nội được quan tâm thực hiện thường xuyên	Bộ Công thương - Cục công thương địa phương (2021)
CSXT4	Hoạt động “Hỗ trợ xây dựng làng nghề” góp phần tạo nhiều việc làm tại các làng nghề ở Hà Nội	Hoài Thu (2021)
CSXT5	Hà Nội đẩy mạnh tìm kiếm những mô hình, ngành nghề, thực hiện công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn	Ngọc Huy (2022)
2. Chính sách thực hiện các quyền cho lao động nông thôn		
CSQL1	Hà Nội tăng cường quản lý đất đai, cấp chứng nhận quyền sử dụng đất phục vụ sản xuất cho người lao động	Lâm Trang (2021)
CSQL2	Hà Nội đẩy mạnh công tác tuyên truyền phổ biến pháp luật cho lao động nông thôn	Phong Hà (2021)
CSQL3	Hà Nội đã tổ chức các buổi tập huấn đến các làng, xã để người lao động nông thôn nâng cao được trình độ nhận thức trong điều kiện đô thị hóa ngày càng diễn ra mạnh mẽ	Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội (2019) Phan Phương (2021)
CSQL4	Hà Nội triển khai nhiều mô hình hợp tác xã phù hợp với điều kiện sản xuất và đảm bảo quyền lợi cho người lao động	Ngọc Huy (2022) Việt Anh (2021)
3. Chính sách hỗ trợ và bảo trợ xã hội		
CSXH1	Hà Nội hỗ trợ đào tạo nghề cho lao động nông thôn từ ngân sách và nguồn vốn xã hội hóa	Nam Khánh (2021)
CSXH2	Hà Nội tăng cường hỗ trợ các cơ sở sản xuất và người nông dân áp dụng khoa học kỹ thuật, đổi mới thiết bị khoa học công nghệ tăng năng suất lao động	Bộ Công thương - Cục Công thương địa phương (2021)
CSXH3	Hà Nội tăng cường các hoạt động vận động người tham gia bảo hiểm bắt buộc và bảo hiểm tự nguyện ở khu vực nông thôn	Thảo An (2021)
CSXH4	Hà Nội đã thực hiện nghiêm túc việc hỗ trợ lao động nông thôn, hộ nghèo, cận nghèo trên địa bàn qua Ngân hàng Chính sách xã hội	Nam Khánh (2021)
4. Chính sách tăng cường đối thoại với lao động nông thôn		
CSĐT1	Các Hiệp hội, các Hợp tác xã thường xuyên tổ chức đối thoại với người lao động	Thanh Hà (2021) Song Hà (2019)
CSĐT2	Hà Nội có nhiều hoạt động nhằm khuyến khích, động viên người dân tích cực đóng góp ý kiến và trực tiếp tham gia xây dựng nông thôn mới	Thanh Hà (2021) Song Hà (2019)
CSĐT3	Các câu lạc bộ "Nông dân với pháp luật" được thành lập, hoạt động hiệu quả	Thanh Hà (2021) Song Hà (2019)
CSĐT4	Chính quyền địa phương luôn lắng nghe ý kiến người dân thông qua các hội nghị, gặp gỡ trực tiếp hoặc hộp thư góp ý	Thanh Hà (2021) Song Hà (2019)
5. Việc làm tại chỗ bền vững cho lao động nông thôn Hà Nội		
TVL1	Lao động nông thôn được làm việc với đầy đủ quyền và đúng trình độ cá nhân	ILO (2007) Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam (2019)
TVL2	Lao động nông thôn làm việc với điều kiện chấp nhận được, bình đẳng, có cơ hội phát triển và hoàn thiện các kỹ năng cá nhân	
TVL3	Lao động nông thôn làm việc có bảo trợ, an toàn tại nơi làm việc và phòng ngừa các rủi ro	
TVL4	Lao động nông thôn được tổ chức đối thoại với chính quyền địa phương và các bên liên quan	

Nguồn: Tổng hợp của nhóm nghiên cứu.

3. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu được thực hiện trên cơ sở kết hợp giữa nghiên cứu định tính và nghiên cứu định lượng. Phương pháp nghiên cứu định tính được sử dụng để tiến hành nghiên cứu sơ bộ, nhóm nghiên cứu thảo luận với 2 nhóm cán bộ, mỗi nhóm 5 người đang làm việc với vị trí công việc khác nhau tại Trung tâm xúc tiến việc làm, Trung tâm khuyến nông ở 2 huyện khác nhau. Thảo luận sử dụng bộ thang đo sơ bộ với các nhân tố tác động đến tạo việc làm tại chỗ bền vững tham khảo từ cách tiếp cận của ILO và dựa trên tình hình thực tiễn thực thi các chính sách. Các thành viên tham gia thảo luận được tự do đưa ra ý kiến của mình về các khía cạnh của chính sách tác động đến tạo việc làm tại chỗ bền vững cho lao động nông thôn. Kết quả nghiên cứu sơ bộ được dùng để hoàn thiện bảng câu hỏi nghiên cứu và mô hình nghiên cứu.

Phương pháp nghiên cứu định lượng được tiến hành qua thu thập ý kiến của người làm công tác khuyến công, khuyến nông, xúc tiến việc làm và một số người làm quản lý tại một số hợp tác xã nông nghiệp và tiểu thủ công nghiệp, chủ một số xưởng sản xuất cơ khí tại các huyện ngoại thành Hà Nội. Do địa bàn rộng nên các tác giả sử dụng phương pháp chọn mẫu thuận tiện và phương pháp “quả bóng tuyết” (snowball) tìm đối tượng tiếp theo dựa vào giới thiệu của đối tượng trước. Quy mô mẫu được xác định theo quy tắc của Comrey & Lee (1992), đồng thời tham khảo quy tắc của Hoàng Trọng & Chu Nguyễn Mộng Ngọc (2005). Với 21 biến quan sát cần tiến hành phân tích nhân tố, số lượng mẫu tối thiểu cần thiết là $21 \times 5 = 105$ mẫu quan sát. Trên quan điểm thu thập được càng nhiều mẫu quan sát càng đảm bảo mức độ ổn định trong đo lường, dựa vào khả năng thu thập mẫu, nhóm nghiên cứu quyết định lựa chọn số lượng mẫu quan sát là $n > 150$. Để đảm bảo cỡ mẫu, nhóm nghiên cứu gửi đi 185 phiếu khảo sát, số phiếu thu về là 176 phiếu trong đó có 172 phiếu hợp lệ được đưa vào phân tích.

4. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

4.1. Thống kê mô tả mẫu nghiên cứu

Để thu thập số liệu, nhóm nghiên cứu tiến hành khảo sát bằng bảng hỏi tại các huyện ngoại thành Hà Nội.

Bảng 2: Thống kê mô tả mẫu nghiên cứu

	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
Cán bộ làm công tác khuyến công	28	16,3
Cán bộ làm công tác khuyến nông	64	37,2
Cán bộ làm công tác xúc tiến việc làm	54	31,4
Hợp tác xã, làng nghề, chủ cơ sở	26	15,1
Tổng cộng	172	100,0

Nguồn: Kết quả khảo sát.

Có thể thấy mẫu nghiên cứu tập trung nhiều nhất ở đối tượng làm công tác khuyến nông, khuyến công và xúc tiến việc làm. Đây là những đối tượng trực tiếp triển khai các chính sách tạo việc làm tại chỗ bền vững cho lao động nông thôn tại Hà Nội, vì vậy ý kiến trả lời sẽ sát với mục tiêu nghiên cứu.

4.2. Kiểm tra độ tin cậy của thang đo

Kết quả kiểm định thang đo các nhân tố bằng hệ số Cronbach's Alpha cho thấy các hệ số đều lớn hơn 0,7 (Bảng 3), các hệ số tương quan biến tổng của các biến quan sát trong nhân tố đều lớn hơn 0,3. Điều đó cho thấy nghiên cứu là phù hợp và có độ tin cậy. Trong 5 nhóm nhân tố với số biến quan sát ban đầu $X_m = 21$ biến, không biến nào bị loại bỏ, số biến quan sát đưa vào mô hình là $X_k = 21$ biến.

4.3. Phân tích nhân tố khám phá

Kết quả phân tích EFA, tại mức giá trị Eigenvalue > 1 với phương sai rút trích Principal Components và phép quay Varimax, phân tích nhân tố đã rút trích được 5 nhân tố từ 21 biến quan sát với phương sai trích là 70,67% (lớn hơn 50%) đạt yêu cầu. Hệ số KMO có giá trị là 0,856 ($> 0,5$) cho thấy phân tích có ý nghĩa. Giá trị sig = 0,000 $< 0,05$ cho thấy các biến quan sát trong nghiên cứu có tương quan với nhau trong tổng thể và phân tích nhân tố EFA là thích hợp.

Như vậy, quá trình phân tích nhân tố với mức giá trị Eigenvalues là 1,501 (> 1), từ 21 biến quan sát ban đầu được hội tụ trong 5 nhóm nhân tố: Chính sách tạo việc làm và xúc tiến việc làm tại chỗ (CSXT); Chính

Bảng 3: Kết quả kiểm định Cronbach's Alpha

Thang đo lường	Số biến quan sát			Cronbach's Alpha
	Trước khi kiểm định	Sau khi kiểm định	Biến quan sát bị loại trừ khỏi thang đo lường	
Chính sách tạo việc làm và xúc tiến việc làm tại chỗ cho lao động nông thôn	5	5	Không có	0,899
Chính sách thực hiện các quyền cho lao động nông thôn	4	4	Không có	0,777
Chính sách thực hiện công tác hỗ trợ và bảo trợ xã hội	4	4	Không có	0,854
Chính sách tăng cường đối thoại với lao động nông thôn	4	4	Không có	0,875
Việc làm tại chỗ bền vững cho lao động nông thôn Hà Nội	4	4	Không có	0,858
Tổng cộng	21	21	0	

Nguồn: Tổng hợp kết quả kiểm định.

Bảng 4: Kết quả phân tích nhân tố EFA

	Thành phần				
	1	2	3	4	5
CSXT3	,720				
CSXT2	,854				
CSXT4	,812				
CSXT5	,825				
CSXT1	,831				
TVL4		,748			
TVL3		,850			
TVL1		,818			
TVL2		,698			
CSXH2			,827		
CSXH4			,820		
CSXH1			,739		
CSXH3			,800		
CSQL2				,778	
CSQL1				,795	
CSQL4				,764	
CSQL3				,678	
CSĐT2					,784
CSĐT1					,824
CSĐT3					,835
CSĐT4					,864
Giá trị Eigenvalues					1,501
Tổng phương sai trích					70,67%
Hệ số KMO					0,856
Giá trị Sig.					0,000

Nguồn: Tổng hợp kết quả kiểm định.

sách thực hiện các quyền cho lao động nông thôn (CSQL); Chính sách thực hiện công tác hỗ trợ và bảo trợ xã hội (CSXH); Chính sách tăng cường đối thoại với lao động nông thôn (CSĐT); Việc làm tại chỗ bền vững cho lao động nông thôn Hà Nội (TVLBV) với tổng phương sai trích là 70,67% (> 50%) tức là 70,67% biến thiên của dữ liệu được giải thích bởi các nhân tố này.

4.4. Phân tích tương quan và hồi quy

Phân tích tương quan

Từ kết quả kiểm định Cronbach's Alpha và phân tích nhân tố EFA cho thấy có 5 nhân tố đại diện cho 21 biến quan sát trong mô hình nghiên cứu. Phương pháp tương quan Pearson correlation coefficient được thực

hiện nhằm đánh giá mối quan hệ tương quan giữa các nhân tố trong mô hình. Kết quả phân tích tương quan cho thấy các nhân tố đều có hệ số tương quan (r) có giá trị >0, giá trị sig < 0,05 thể hiện các biến có quan hệ tương quan tuyến tính và có ý nghĩa thống kê.

Phân tích hồi quy

Kết quả phân tích hồi quy lần 1, trong 4 nhân tố đại diện thì nhân tố Chính sách thực hiện các quyền cho lao động nông thôn (CSQL) có giá trị sig = 0,354 > 0,05, do vậy nhân tố này không có giá trị trong mô hình nên bị loại bỏ, giả thuyết H2 không được chấp nhận.

Kết quả phân tích hồi quy lần 2 tại Bảng 5, hệ số xác định $R^2 = 0,329$ cho biết rằng các biến độc lập trong mô hình có thể giải thích được 32,9% sự thay đổi của biến phụ thuộc. Điều đó cho thấy vấn đề tạo việc làm tại chỗ bền vững cho lao động nông thôn còn phụ thuộc vào nhiều nhân tố tác động khác. Trong bảng phân tích phương sai ANOVA, giá trị F = 26,989; giá trị sig = 0,000, bước đầu cho thấy mô hình hồi quy tuyến tính phù hợp với tập dữ liệu và có thể sử dụng được. Đại lượng thống kê Durbin-Watson = 1.799 cho thấy không có sự tương quan giữa các phần dư. Điều này có ý nghĩa là mô hình hồi quy không vi phạm giả định về tính độc lập của sai số; Hệ số phóng đại phương sai (VIF) của tương quan nhân tố có giá trị nhỏ hơn 10 chứng tỏ mô hình hồi quy không vi phạm hiện tượng đa cộng tuyến (các biến độc lập có tương quan chặt chẽ với nhau).

**Bảng 5: Kết quả phân tích hồi quy
Model Summary^b**

Model	R	Giá trị R ²	Giá trị R ² điều chỉnh	Sai số ước tính	Hệ số Durbin-Watson
1	,573 ^a	,329	,313	,617	1,799

ANOVA^a

Model		Tổng bình phương	df	Bình phương trung bình	Giá trị F	Giá trị Sig.
1	Hồi quy	30,792	3	10,264	26,989	,000 ^b
	Phần dư	63,892	168	,380		
	Tổng	94,684	171			

Hệ số hồi quy

Model	Hệ số chưa chuẩn hóa		Hệ số chuẩn hóa	Giá trị t	Giá trị Sig.
	B	Std. Error	Beta		
(hệ số)	,371	,328		1,131	,260
CSXT	,333	,066	,348	5,042	,000
CSXH	,180	,082	,153	2,191	,030
CSĐT	,257	,062	,276	4,158	,000

Chủ thích: a. Biến phụ thuộc: TVLBV

Nguồn: Tổng hợp kết quả kiểm định của nhóm nghiên cứu.

Với hệ số Beta chuẩn hóa, nhóm nghiên cứu xây dựng được phương trình hồi quy tuyến tính đánh giá mức độ tác động của 3 nhân tố như sau:

$$TVLBV = 0.348CSXT + 0.153CSXH + 0.276CSĐT$$

Để kiểm định một lần nữa tác động của các nhân tố chính sách đến tạo việc làm tại chỗ bền vững cho lao động nông thôn Hà Nội, nhóm nghiên cứu phỏng vấn sâu một số cán bộ làm công tác xúc tiến việc làm, khuyến công và khuyến nông. Với câu hỏi về vai trò của các chính sách tạo việc làm tại chỗ bền vững, hầu hết các ý kiến đều cho rằng chính sách quan trọng nhất là chính sách tạo việc làm và xúc tiến việc làm tại chỗ, người lao động nông thôn không muốn ly hương để làm việc nhưng nếu ở quê, họ không biết làm gì ngoài làm nông nghiệp. Để giữ chân lao động nông thôn, trước hết phải tập trung vào thu hút đầu tư và đào tạo nghề, từ đó tạo việc làm tại chỗ cho họ. Lao động nông thôn, đặc biệt là làm nông nghiệp phụ thuộc nhiều vào điều kiện tự nhiên và mang tính mùa vụ, rủi ro là khá cao nên để tạo việc làm bền vững, cần phải thực hiện tốt chính sách bảo trợ xã hội trong đó có chính sách bảo hiểm, đồng thời hỗ trợ người lao động thực hiện xúc tiến thương mại để đẩy mạnh tiêu thụ sản phẩm, qua đó người lao động an tâm làm việc tại quê hương. Ngoài ra, cần đề cao vai trò của chính quyền địa phương, các hợp tác xã trong việc tổ chức trao đổi, tiếp nhận ý kiến người lao động, tổ chức các câu lạc bộ, sinh hoạt cộng đồng nhằm gắn kết người lao động với quê hương.

5. Khuyến nghị

Qua kết quả phân tích định lượng, có thể thấy trong 3 nhân tố tác động đến việc làm tại chỗ bền vững cho lao động nông thôn Hà Nội thì nhân tố chính sách tạo việc làm và xúc tiến việc làm tại chỗ (CSXT) có động mạnh nhất với mức tác động lên đến 34,8%; tiếp đến là nhân tố chính sách tăng cường đối thoại với lao động nông thôn (CSĐT) với mức tác động 27,6%; nhân tố chính sách thực thi hỗ trợ và bảo trợ xã hội (CSXH) với mức tác động 15,3%. Nhân tố chính sách thực hiện các quyền cho lao động nông thôn (CSQL) bị loại khỏi mô hình do giá trị Sig không đạt yêu cầu, điều này có thể lý giải một phần do bản thân các chính sách tạo việc làm tại chỗ bền vững cho lao động nông thôn cũng đã được xây dựng và thực thi trên cơ sở quyền công dân, một phần có thể do cần đến số lượng mẫu nghiên cứu nhiều hơn nữa. Với kết quả phân tích định lượng, nhóm nghiên cứu có một số ý kiến trao đổi như sau:

Hà Nội cần tập trung xây dựng và thực hiện các chính sách tạo việc làm và xúc tiến việc làm tại chỗ, qua đó không những tạo ra nhiều việc làm tại chỗ cho lao động nông thôn mà còn hạn chế được tình trạng di dân tự do từ khu vực nông thôn sang khu vực đô thị và công nghiệp. Các địa phương tại Hà Nội mạnh dạn thực hiện các chính sách thu hút và khuyến khích đầu tư vào khu vực nông thôn, quy hoạch các làng nghề tập trung; ưu tiên cấp đất sản xuất cho các dự án công nghiệp và nông nghiệp công nghệ cao có sử dụng nhân lực tại chỗ của địa phương. Các đơn vị xúc tiến việc làm cần phối hợp với các cơ sở sản xuất để tìm hiểu nhu cầu nhân lực và xây dựng chương trình đào tạo, qua đó tăng cường tuyển sinh và đào tạo nghề cho lao động nông thôn phục vụ nhu cầu nhân lực tại chỗ.

Các cơ quan quản lý, các hiệp hội ngành nghề và các cơ sở sản xuất thường xuyên tổ chức đối thoại, trao đổi thông tin với người lao động ở khu vực nông thôn, qua đó nắm bắt tâm tư nguyện vọng cũng như tiếp nhận những ý kiến, sáng kiến kinh nghiệm của họ; giải quyết chế độ chính sách và quyền lợi kịp thời cho người lao động. Phải thay đổi cách làm, thay đổi tư duy trong hoạt động Hội nông dân, tổ chức nhiều phong trào, hoạt động ý nghĩa, thiết thực nhằm tạo sân chơi cho nông dân tham gia, thu hút nông dân giỏi tham gia lao động, sản xuất. Nông dân sản xuất giỏi phải gắn với xây dựng sản giao dịch điện tử, chuyển đổi số để đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của xã hội. Đẩy mạnh phát triển các phong trào hỗ trợ nông dân nhằm đảm bảo an ninh lương thực, an ninh nông thôn. Hỗ trợ phát triển các câu lạc bộ sản xuất kinh doanh giỏi. Tạo sự liên kết giữa nhà nông với các doanh nghiệp để phát triển nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ. Tổ chức phiên chợ nông sản hàng năm để giới thiệu, quảng bá sản phẩm nông nghiệp đến với người tiêu dùng. Bên cạnh đó, các cấp hội cần quan tâm hỗ trợ cho nông dân khắc phục khó khăn do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19... góp phần cùng với chính quyền địa phương xây dựng bộ mặt nông thôn ngày càng khởi sắc, đời sống nông dân ngày càng nâng cao.

Chính quyền các địa phương quan tâm, tận dụng triệt để các nguồn vốn kể cả vốn xã hội hóa để tăng cường hỗ trợ các cơ sở sản xuất và người nông dân áp dụng khoa học kỹ thuật, đổi mới thiết bị khoa học công nghệ tăng năng suất lao động; Cơ quan bảo hiểm xã hội cấp huyện và các doanh nghiệp bảo hiểm đẩy mạnh hoạt động bảo hiểm trong lĩnh vực nông nghiệp và tiểu thủ công nghiệp, đảm bảo cho các cơ sở sản xuất cũng như người lao động nông thôn được hưởng các chế độ bảo hiểm, giúp họ yên tâm sản xuất, ngoài ra cũng cần tăng cường các hoạt động vận động người tham gia bảo hiểm bắt buộc và bảo hiểm tự nguyện ở khu vực nông thôn.

Hội Nông dân Thành phố cần tranh thủ sự hỗ trợ của Trung ương Hội Nông dân Việt Nam, các tổ chức quốc tế, các sở, ban, ngành của Thành phố để huy động nguồn vốn phát triển các mô hình sản xuất nông dân trên địa bàn, gắn với những đặc thù, thế mạnh của thủ đô. Phát huy vai trò của nông dân trong xây dựng nông thôn mới gắn với tạo việc làm tại chỗ bền vững. Kịp thời biểu dương các mô hình nông dân sản xuất, kinh doanh giỏi, các sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu... Hội Nông dân Thành phố cần phát huy vị trí, vai trò quan trọng của mình trong quá trình xây dựng và phát triển nông thôn mới. Phát triển “Mỗi xã một sản phẩm” (OCOP) trên cơ sở gắn với các sản phẩm của địa phương theo hướng chuỗi giá trị và phát triển bền vững để nâng cao thu nhập cho người nông dân.

Tài liệu tham khảo

- Anh Quân (2020), *Nông nghiệp – “trụ đỡ” của nền kinh tế Thái Lan*, <http://vinanet.vn/kinhte-taichinh/nong-nghiep-tru-do-cua-nen-kinh-te-thai-lan-727736.html>
- Bạch Thanh (2021), *Thúc đẩy sản xuất nông nghiệp Thủ đô*, <https://hanoimoi.com.vn/tin-tuc/Nong-nghiep/1012654/thuc-day-san-xuat-nong-nghiep-thu-do>
- Bộ Công thương - Cục Công thương địa phương (2021), *Hà Nội: Phần đầu có trên 10.000 DN, cơ sở công nghiệp nông thôn ngành thủ công mỹ nghệ được hỗ trợ từ chương trình khuyến công giai đoạn 2021 – 2021*, http://khuyengcongonline.gov.vn/tin-tuc/ha-noi-phan-dau-co-tren-10000-dn-co-so-cnnt-nganh-thu-cong-my-ngheduooc-ho-tro-tu-chuong-trinh-khuyen-cong-giai-doan-2021-2025-07ab7193_598/
- Comrey, A. L., & Lee, H. B. (1992), *Lawrence Erlbaum Associates (2nd ed.), Inc.* <https://psycnet.apa.org/record/1992-97707-000>
- Dương Ngọc Thành & Nguyễn Minh Hiếu (2014), ‘Thực trạng lao động và việc làm nông thôn hiện nay’, *Tạp chí Khoa học, Đại học Cần Thơ*, 30, 42-50
- Hoài Thu (2021), *Hà Nội hỗ trợ 10 làng nghề xây dựng, phát triển thương hiệu*, <https://hanoimoi.com.vn/tin-tuc/Nong-nghiep/1000171/ha-noi-ho-tro-10-lang-nghe-xay-dung-phat-trien-thuong-hieu>
- Hoàng Trọng & Chu Nguyễn Mộng Ngọc (2005), *Phân tích dữ liệu nghiên cứu với SPSS*, NXB Thống Kê.
- ILO (2017), *Chương trình khung hợp tác việc làm bền vững giai đoạn 2017 – 2021*, https://www.ilo.org/wcmsp5/groups/public/---asia/---ro-bangkok/---ilo-hanoi/documents/publication/wcms_630362.pdf
- Lâm Trang (2021), *Hà Nội tăng cường công tác quản lý, xử lý vi phạm Luật đất đai*, <https://www.tapchicongsan.org.vn/web/guest/nghien-cu/-/2018/824265/ha-noi-tang-cuong-cong-tac-quan-ly%2C-xu-ly-vi-pham-luat-dat-dai.aspx>
- Nam Khánh (2021), *Hà Nội: Giải quyết việc làm cho gần 100.000 lao động trong 6 tháng đầu năm 2021*, <http://laodongxahoi.net/ha-noi-giai-quyet-viec-lam-cho-gan-100000-lao-dong-6-thang-dau-nam-2021-1319458.html>
- Ngọc Huy (2022), *Hiệu quả từ các mô hình xã hội nông thôn mới nâng cao ở Hà Nội*, <https://www.qdnd.vn/xahoi/cac-van-de/hieu-qua-tu-cac-mo-hinh-xa-hoi-nong-thon-moi-nang-cao-o-ha-noi-682689>
- Nguyễn Hồng Thư (2011), *Phát triển Nông nghiệp, nông thôn của Nhật Bản - kinh nghiệm cho Việt Nam*, <http://iasvn.org/tin-tuc/Phat-trien-Nong-nghiep-nong-thon-cua-Nhat-Ban---kinh-nghiem-cho-Viet-Nam-2392.html>
- Nguyễn Quốc Tiến, (2015), ‘Kinh nghiệm phát triển kinh tế phi chính thức ở nông thôn một số nước và bài học cho Việt Nam’, *Kỷ yếu hội thảo quốc tế Kinh tế phi chính thức- thực trạng và vấn đề đặt ra đối với các nền kinh tế*, NXB Hồng Đức, ISBN: 978-604-86-7666-7
- Nguyễn Xuân Định (2017), *Hàn Quốc và những chính sách về nông nghiệp, nông dân, nông thôn*, <http://www.hoinongdan.org.vn/sitepages/news/53/51093/qtns.hoinongdan.org.vn>
- Overseas Development institutes (2007), *Rural employment and migration in search of decend work*, <https://cdn.odi.org/media/documents/6.pdf>
- Phan Phương (2021), *Định hướng xây dựng nông thôn mới gắn với đô thị hóa*, <https://baotintuc.vn/thoi-su/dinh-huong-xay-dung-nong-thon-moi-gan-voi-do-thi-hoa-20211217222155518.htm>
- Phong Hà (2021), *Hà Nội linh hoạt trong tuyên truyền, phổ biến pháp luật*, <https://hanoimoi.com.vn/tin-tuc/Xahoi/1020148/ha-noi-linh-hoat-trong-tuyen-truyen-pho-bien-phap-luat>
- Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam (2019), *Bộ luật Lao động số 45/2019/QH14*, ban hành ngày 20 tháng 11 năm 2019.
- Song Hà (2019), *Lãnh đạo thành phố Hà Nội đối thoại tháo gỡ khó khăn về vấn đề nông nghiệp, nông dân, nông thôn*, <https://dangcongsan.vn/tien-toi-dai-hoi-dang-bo-cac-cap-va-dai-hoi-xiii-cua-dang/tin-hoat-dong/lanh-dao-tp-ha-noi-doi-thoi-thao-go-kho-khan-ve-van-de-nong-nghiep-nong-dan-nong-thon-545261.html>
- Thanh Hà (2021), *Hà Nội: Hoạt động của Câu lạc bộ Nông dân với pháp luật ngày càng đi vào chiều sâu*, <https://baodantoc.vn/ha-noi-hoat-dong-cua-cau-lac-bo-nong-dan-voi-phap-luat-ngay-cang-di-vao-chieu-sau-1635503310142.htm>
- Thảo An (2021), *Hà Nội thu hút hơn 54 nghìn người tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện*, <https://nhandan.vn/ha-noi-thu-hut-hon-54-nghin-nguoi-tham-gia-bao-hiem-xa-hoi-tu-nguyen-post675820.html>
- Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội (2019), *Tháo gỡ khó khăn để phát triển các vùng sản xuất nông nghiệp quy mô lớn, giá trị cao*, <https://hanoi.gov.vn/chidaodieuhanh/-/hn/t0gZB5w6V7Wh/2807/2825102/thao-go-kho-khan-cho-san-xuat-kinh-doanh-thuc-ay-tang-truong-nam-2019.html;jsessionid=6RFw0YQURy69H9FLDD6oUCUs.app2>
- Việt Anh (2021), *Đẩy mạnh đào tạo nghề, tạo việc làm cho lao động nông thôn*, <https://nhandan.vn/day-manh-dao-tao-nghe-tao-viec-lam-cho-lao-dong-nong-thon-post641967.html>